HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /2026/NQ-HĐND	*An Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 488/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi phí quản lý thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng do ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách Trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh.

b) Người trực tiếp thực hiện chi trả trợ cấp hoặc tổ chức dịch vụ chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý

Tỷ lệ chi phí quản lý thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

1. Tỷ lệ chi phí quản lý tại cấp tỉnh là 25% trên tổng chi phí quản lý được giao toàn tỉnh.

2. Tỷ lệ chi phí quản lý tại cấp xã là 75% trên tổng chi phí quản lý được giao toàn tỉnh, trong đó:

a) Tỷ lệ % chi phí quản lý trên tổng kinh phí chi trả chính sách, chế độ người có công với cách mạng của cấp xã.

b) Đối với các xã, phường, đặc khu quản lý dưới 10 đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng được cấp thêm chi phí quản lý là 3% trên tổng kinh phí chi trả chính sách, chế độ người có công với cách mạng của xã, phường, đặc khu đó, phần chi phí này được tính trong tổng mức 75% chi phí quản lý được giao cho cấp xã.

Điều 3. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả), mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả

Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả là 40% trên tổng chi phí quản lý được giao cho cấp xã.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh để thực hiện chi trả chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành nội vụ quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội,
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XX;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, dhduy.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Nhàn